

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Phương Thảo

Mã SV: 1412401135

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người
bán tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán thanh toán với người mua người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7.
- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Suu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong năm 2016 tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7.

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....thángnăm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Phương Thảo

ThS.Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Một số khái niệm cơ bản về thanh toán.....	3
1.1.1. Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán	3
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán thanh toán:	4
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua (khách hàng)	4
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	4
1.2.2. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	5
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.	6
1.3. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người bán.....	9
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	9
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.....	10
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	11
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.	15
1.4.1. Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán	15
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.	17
1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.....	19
1.5.1. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung.....	19
1.5.2. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái	21
1.5.3. Kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	23
1.5.4. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ	25
1.5.5. Kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy tính	27

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7	29
2.1. Tổng quan về công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7	29
2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Duyên Hải.....	29
2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	29
2.1.1.2. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh.....	30
2.1.1.3. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.....	30
2.1.1.4. Tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự.....	31
2.1.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý	32
2.1.2. Thực tế tổ chức kế toán tại công ty TNHH một thành viên Duyên Hải - Xí nghiệp 7	33
2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	33
2.1.2.2. Thực tế vận dụng chế độ kế toán tại công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7	37
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7	37
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7	38
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7	54
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7.....	70
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	70
3.1.1. Những ưu điểm đã đạt được	70
3.1.2. Hạn chế.....	73

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	76
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7.....	76
KẾT LUẬN	84

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay trong xã hội nói chung hay các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nói riêng, bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình đều có mối quan hệ kinh tế liên quan tới vấn đề thanh toán: như thanh toán nội bộ, thanh toán nhà nước,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên là thanh toán với người mua và người bán. Các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa phong phú, đa dạng. Đặc biệt là các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm thường tồn tại các hình thức mua bán chịu giữa khách hàng và nhà cung cấp. Do đó việc xác định thời hạn thanh toán và quá trình thu nợ các khoản phải thu là hết sức quan trọng đối với doanh nghiệp mà không gây ứ đọng vốn cũng như thiếu vốn hoạt động. Do đó yêu cầu về nghiệp vụ kế toán ngày càng cao hơn, kế toán không chỉ ghi chép mà còn có nhiệm vụ thu hồi các khoản nợ, tìm nguồn vốn để trả nợ, biết lường trước và hạn chế những rủi ro.

Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,.. nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Trước những thay đổi liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua, người bán ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng cao hơn.

Quá trình tìm hiểu về mặt lý luận tại trường cũng như thực tập tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, em nhận thấy kế toán thanh toán với người mua, người bán hết sức quan trọng được Ban lãnh đạo hết sức để ý. Với sự giúp đỡ của ThS.Ninh Thị Thùy Trang cùng các anh chị trong Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, em quyết định chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7”*** để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu, nắm vững, tổng hợp những cơ sở lý luận của kế toán phải thu, phải trả nói chung và phải thu khách hàng, phải trả người bán nói riêng nhằm điều chỉnh tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

- Thu thập, đánh giá được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7.

- Qua quá trình nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng công tác kế toán thanh toán có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

+ Về thời gian: Số liệu tháng 9 năm 2016.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương thức tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối).

- Phương pháp thống kê so sánh

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu kế thừa thành tựu

5. Kết cấu của khóa luận

Đề tài gồm có 3 chương:

- Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7.

- Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7.

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm cơ bản về thanh toán

1.1.1. Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán

Thanh toán: Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý

* Về phương thức thanh toán, có hai phương thức thanh toán chủ yếu:

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản,...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

* Về hình thức thanh toán, thông thường có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt: Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa. Hình thức này thường được áp dụng đối với giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ (hiện nay được áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp.

- Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt: Thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán. Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là phương thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của các đơn vị này sang đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ.

+ Hình thức thanh toán ủy nhiệm chi: Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

+ Hình thức nhờ thu kèm chứng từ: Là hình thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

+ Hình thức nhờ thu phiếu trơn: là hình thức nhờ thu trong đó người xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền từ người nhập khẩu căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra còn chứng từ hàng hóa thì gửi thẳng cho người nhập khẩu, không gửi cho ngân hàng. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

+ Hình thức tín dụng chứng từ: là sự thỏa thuận trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng theo yêu cầu của người mở thư tín dụng cam kết hay cho phép ngân hàng khác chi trả hoặc chấp nhận hối phiếu cho một người trong phạm vi số tiền của thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán thanh toán:

Quản lý các khoản thu, chi, kiểm soát hoạt động thu ngân, theo dõi quản lý tiền mặt

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua (khách hàng)

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ thu theo từng đối tượng khách hàng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ.
- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ trả tiền ngay.
- Cần phải phân loại các khoản thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.
- Đối với khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn lại phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.
- Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế

- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần ghi chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Tuyệt đối không được bù trừ số dư bên nợ và bên có của tài khoản 131 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.2.2. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a) Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

b) Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng, kế toán sử dụng tài khoản 131- **phải thu của khách hàng**

- Kết cấu tài khoản 131:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng.
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).

- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Sổ tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ cái tài khoản 131...

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.

1. Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

2. Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

3. Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212) (giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

4. Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

5. Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

6. Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

e) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

7. Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611 - Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

8. Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

9. Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

1.3. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Phải trả người bán thường xảy ra trong quan hệ mua, bán vật tư, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, TSCĐ... Khi doanh nghiệp mua chịu sẽ dẫn đến phát sinh nghiệp vụ thanh toán nợ phải trả, khi doanh nghiệp ứng trước tiền mua hàng cho người bán sẽ dẫn đến nảy sinh một khoản tiền nợ phải thu với người cung cấp.

Doanh nghiệp theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo nguyên tắc và theo nguyên tắc:

- Khi thanh toán nợ phải trả người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đích danh của từng chủ nợ. Trường hợp phát sinh giao

dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên nợ TK 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Khi phát sinh các khoản phải nợ cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

Khi hạch toán chi tiết, kế toán phải hạch toán rõ ràng các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng

Bên giao nhận ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhập khẩu ủy thác như tài khoản phải trả người bán thông thường.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn của người bán.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

b) Tài khoản sử dụng

- Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ,... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả người bán

- Kết cấu tài khoản: 331

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.

- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.

- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán.

- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.

- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

c) Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán
- Sổ cái TK 331 - phải trả người bán

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.

1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a). Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:
 - Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).
 - Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).
- b). Trường hợp nhập khẩu, ghi:
- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:
 - Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán
 - Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)
 - Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)
 - Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.
 - Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).
- 2). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:
- a). Trường hợp mua trong nội địa:
- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:
 - Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).
 - Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)
- b). Trường hợp nhập khẩu, ghi:
- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:
 - Nợ TK 611 - Mua hàng
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán
 - Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)
 - Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)
 - Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

3). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

4). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XD CB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XD CB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

5). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

6). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

7). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

8). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

9). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

10). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

1.4.1. Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán

Tỷ giá là tỷ lệ so sánh ngang bằng giữa đồng tiền nước này với đồng tiền nước khác, là hệ số chuyển đổi giữa tiền tệ nước này sang nước khác. Tỷ giá là giá cả người ta trả khi mua hoặc nhận được khi bán một ngoại tệ trên thị trường ngoại hối.

Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

+ Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (đồng Việt Nam).

Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá nghiệp vụ kinh tế phát sinh giao dịch và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ. Trong kế toán sử dụng 3 loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất, tỷ giá ghi nhận nợ

- Tỷ giá giao dịch hay còn gọi tỷ giá thực tế được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến doanh thu, chi phí,... TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi, ghi công nợ là ngoại tệ.

- Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO, hoặc đích danh.

- Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

+ Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước;

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

+ Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước.

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

a. Tài khoản sử dụng

- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 331 – Phải trả người bán
- TK 635 – Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá sổ dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

b. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, kế toán ghi:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng (tỷ giá thực tế)

Có TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 3331: Thuế VAT phải nộp

- Khi tiền thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá thực tế)

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch (tỷ giá thực tế)

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Khi lập báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Cuối năm tài chính kế toán phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

c. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh

Nợ TK 152, 153, 156, 211: Tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: Thuế GTGT

Có TK 331: Phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế)

- Khi thanh toán:

+ Nếu lỗ tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi nhận nợ (tỷ giá ghi sổ)

Nợ TK 635: Chênh lệch giữa tỷ giá thực tế với tỷ giá ghi sổ

Có TK 111, 112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

+ Nếu lãi tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ

Có TK 111, 112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế thanh toán

Có TK 515: Nếu lãi về tỷ giá hối đoái

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

Cuối năm tài chính kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC được ban hành ngày 22/12/2014, có hiệu lực từ 05/02/2015, áp dụng cho những năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015, doanh nghiệp được xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ.

Để tiến hành ghi chép sổ sách, kế toán tại doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán.

• Các hình thức sổ kế toán:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức Kế toán máy

1.5.1. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung

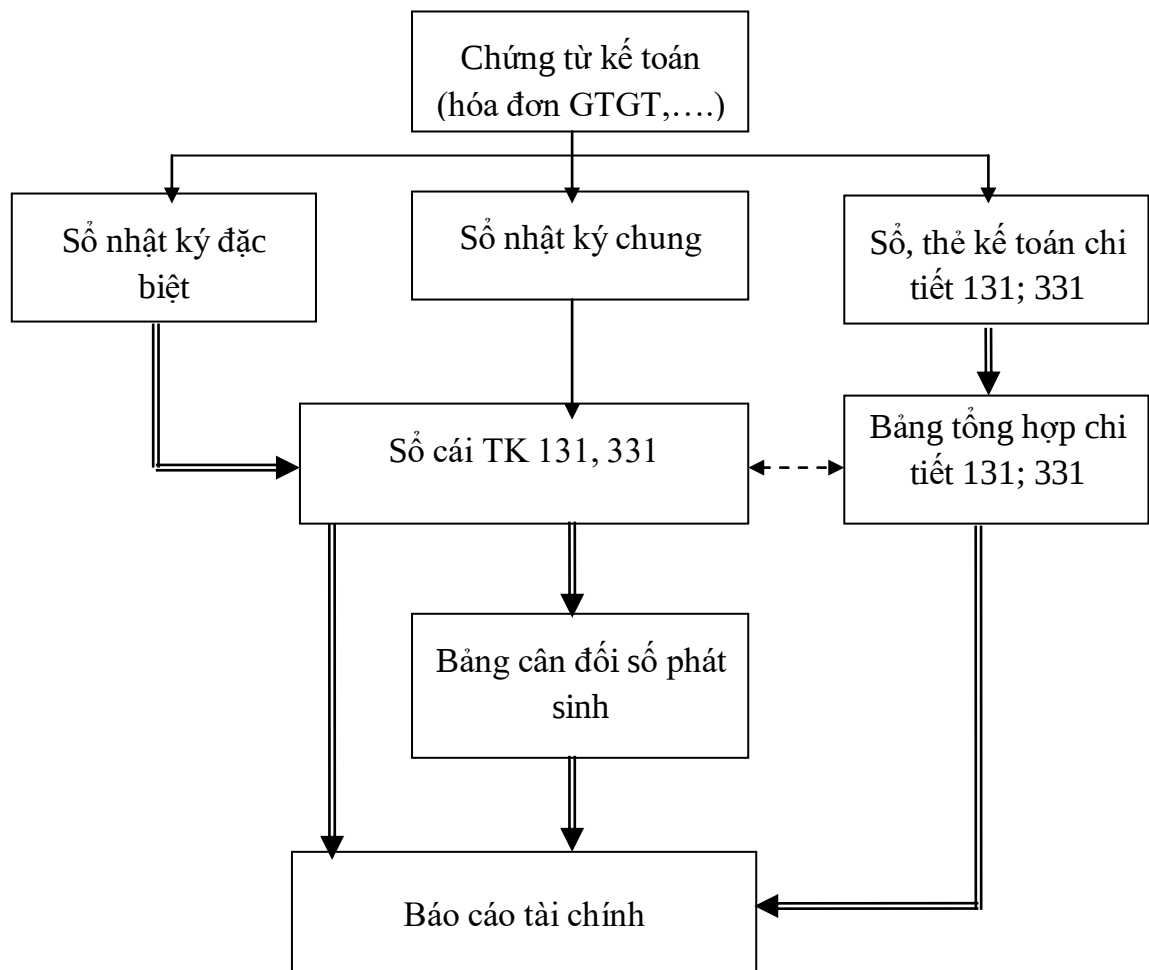
Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức sổ này, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ Cái.

Ngoài Nhật ký chung, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ Nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- **Hàng ngày:**

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- **Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:**

Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.5.2. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi sổ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

➤ Sổ sách chủ yếu:

- + Nhật ký - Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

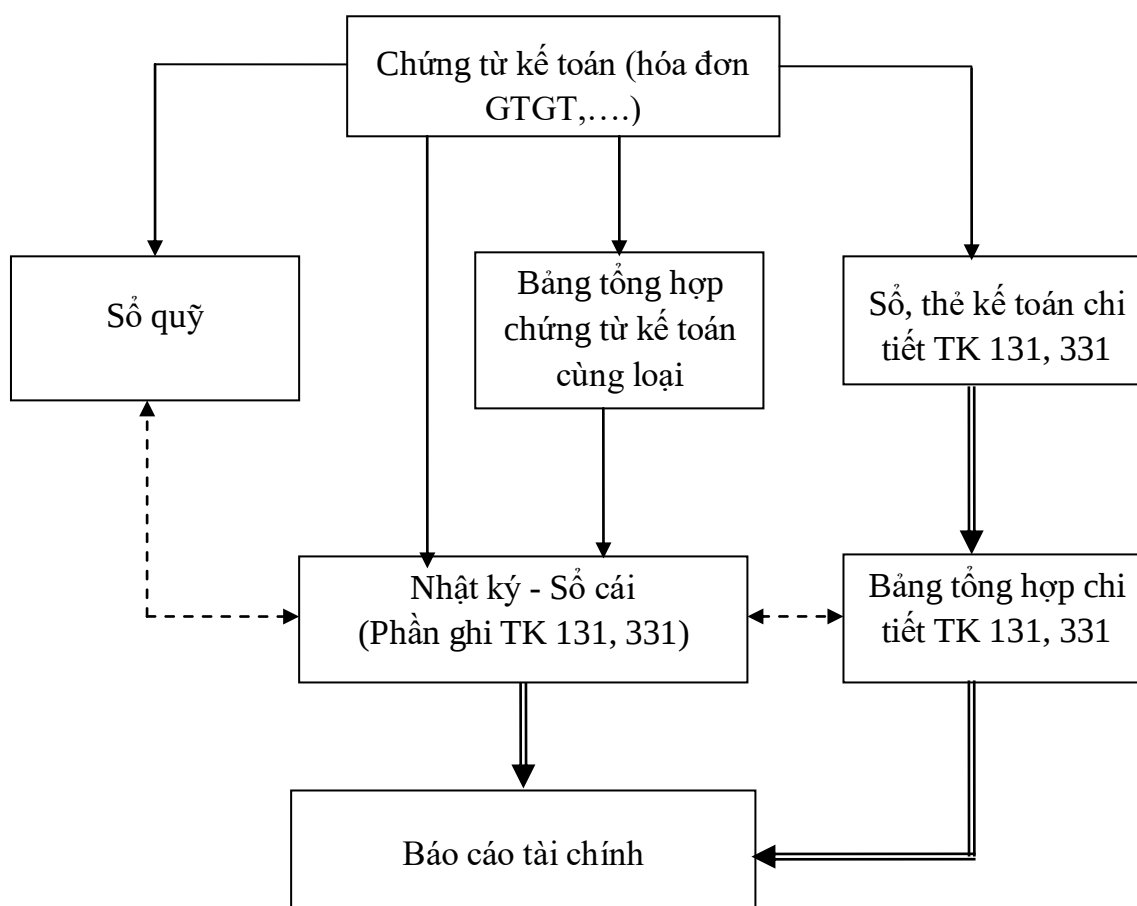
➤ Ưu điểm

- + Số lượng ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép.
- + Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký - Sổ cái.

➤ Nhược điểm

- + Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán
- + Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phát sinh nhiều tài khoản.

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

- Công việc hàng ngày:

+ Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

+ Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- **Công việc cuối tháng:**

+ Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.5.3. Kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

➤ **Sổ sách chủ yếu:**

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

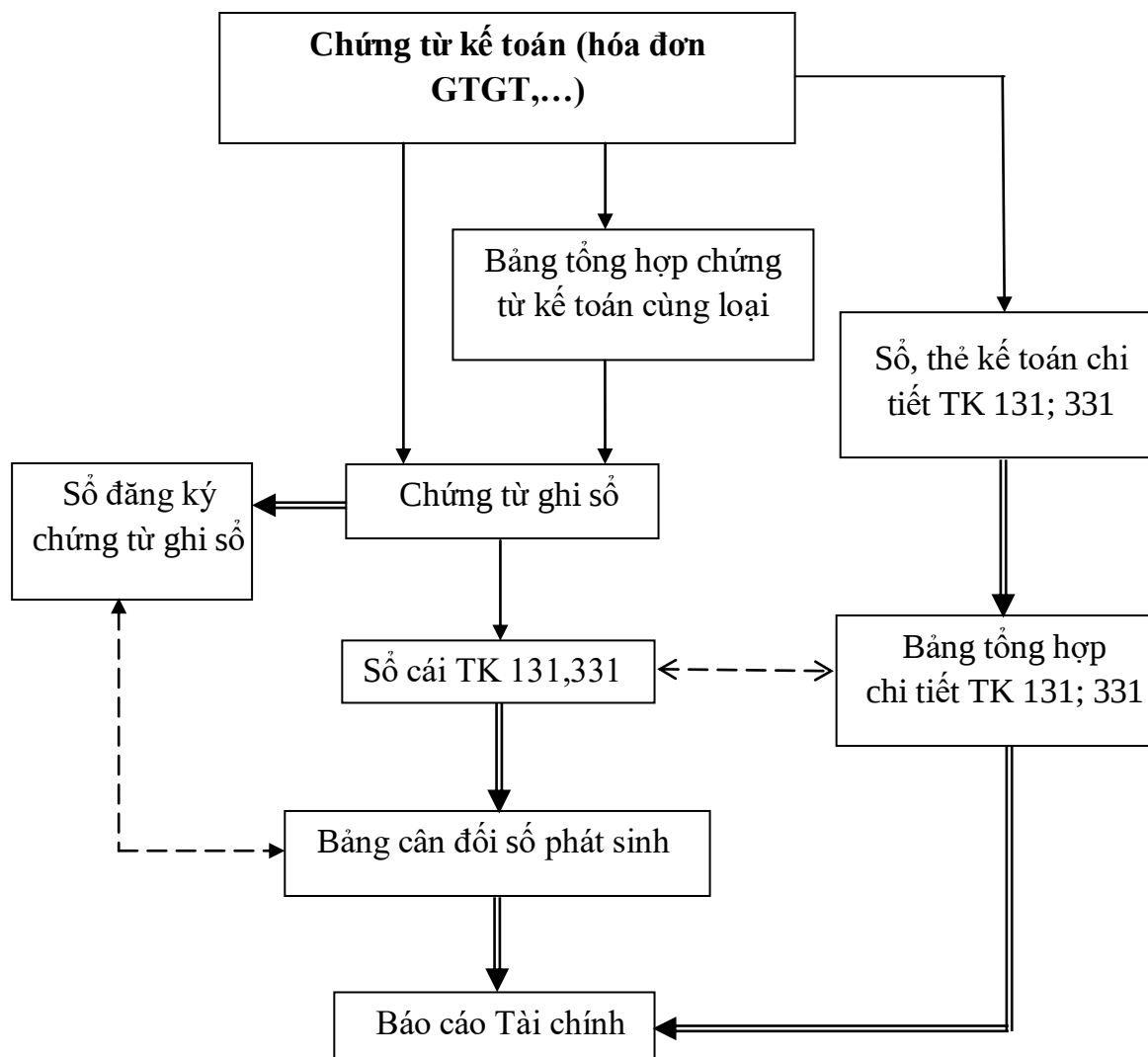
➤ **Ưu điểm**

- Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

➤ **Nhược điểm**

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
 <---> Đối chiếu kiểm tra
 ==> Ghi cuối tháng

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát

sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết

1.5.4. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

➤ Sổ sách chủ yếu:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

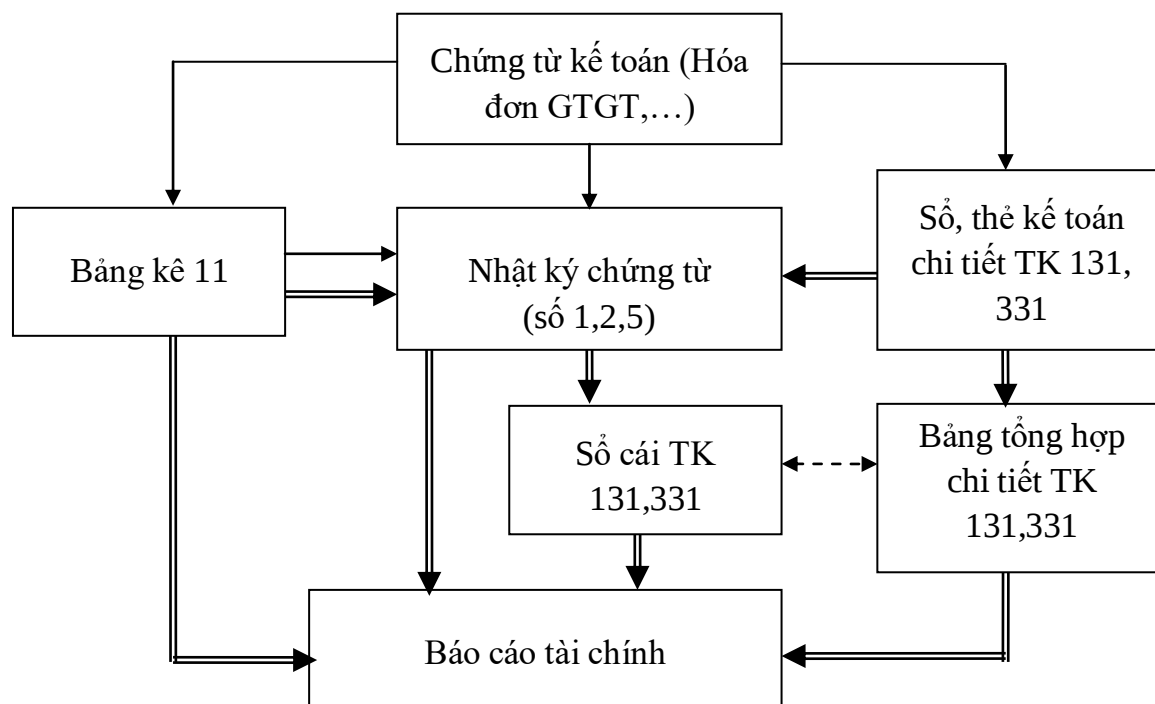
➤ Ưu điểm

- Giảm nhẹ khối lượng ghi sổ kế toán. Việc kiểm tra đối chiếu được thực hiện thường xuyên, cung cấp thông tin kịp thời.

➤ Nhược điểm

- Mẫu sổ kế toán phức tạp, yêu cầu trình độ cao với mỗi kế toán viên. Không thuận tiện cho việc ứng dụng tin học vào ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

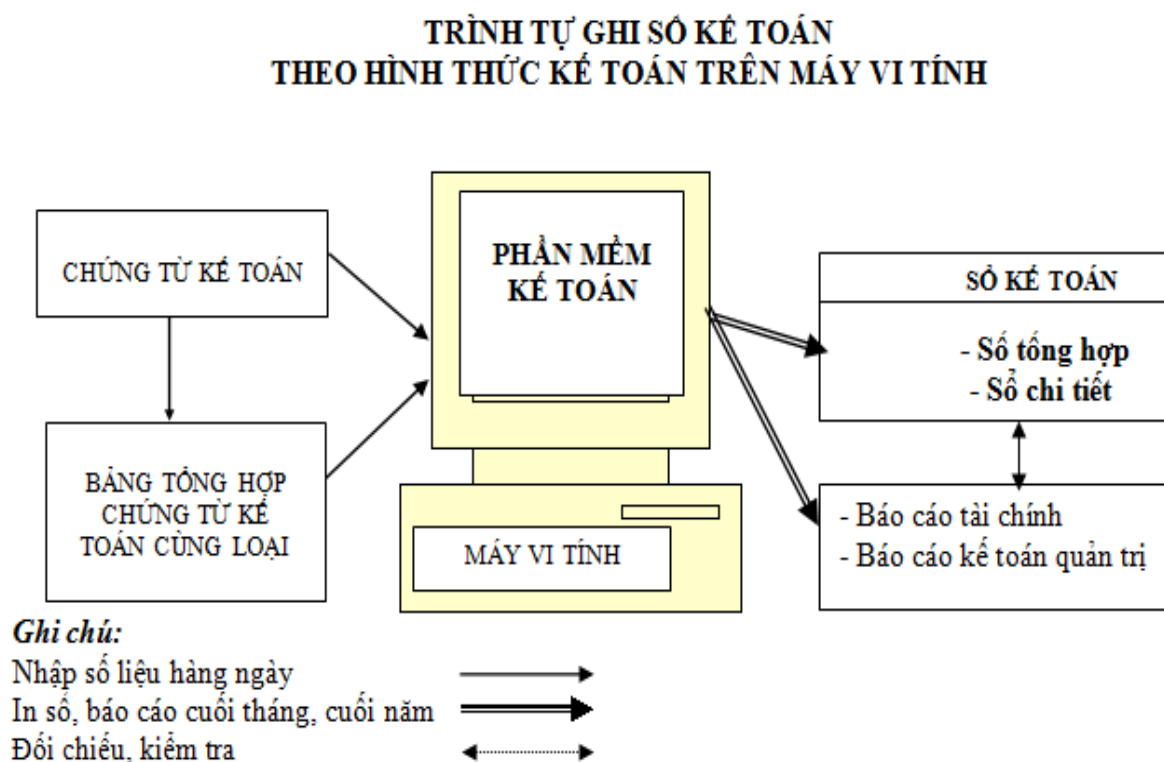
- Cuối tháng khóa sổ: Cộng số liệu trên các Nhật ký - chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi vào trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số sổ chi tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.5.5. Kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7

2.1. Tổng quan về công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Duyên Hải

2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 - Quân khu 3
- Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7
- Địa chỉ: Số 238 - Đường Lê Duẩn - Quận Kiến An - Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 031 3777391
- Fax: 031 3876404

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 - Quân khu 3 tiền thân là D4-C27 thuộc phòng công binh Quân khu Tả ngạn được tách ra thành lập Xưởng 7 vào ngày 20 tháng 10 năm 1970. Từ năm 1970 đến 1975 được giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí, mộc phục vụ sản xuất và chiến đấu. Từ năm 1976 được điều động về Cục Kinh tế Quân khu 3 cho đến năm 1988. Trong thời gian này xưởng được giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí, mộc phục vụ sản xuất, đời sống, chính sách cho các đơn vị trong Quân khu.

Ngày 1 tháng 1 năm 1988 xưởng 7 được Bộ Tư lệnh Quân khu 3 điều về Sư đoàn 319 có nhiệm vụ sản xuất hàng cơ khí mộc và xây dựng. Đồng thời đổi tên thành Xí nghiệp 7 - Công ty Xây dựng 319. Ngày 1 tháng 1 năm 2012 Xí nghiệp 7 được điều về Công ty TNHH MTV Duyên Hải lấy tên là Xí nghiệp 7 - Công ty Duyên Hải.

Là một doanh nghiệp Nhà nước có đầy đủ tư cách pháp nhân hoạt động trong ngành xây dựng, trong điều kiện cơ chế thị trường công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 đã chuyển hướng đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu, điển hình là công ty nhập máy móc thiết bị thi công của các nước như Nhật, Đức, Hàn Quốc. Đồng thời đổi mới trong công tác quản lý sản xuất, tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Chính vì vậy mà công ty có khả

năng xây dựng các công trình có qui mô lớn kết cấu phức tạp và ngày càng có uy tín trên thị trường.

Qua 43 năm hình thành và phát triển đến nay công ty Duyên Hải đã thi công hàng trăm công trình vừa và lớn trên khắp cả nước trong đó có nhiều công trình có chất lượng cao của ngành xây dựng Việt Nam như: Nhà khách QK3; Trụ sở thi hành án QK3; Đường xuyên đảo Cát Bà; Cầu cảng công ty 9 - Bộ đội biên phòng Quảng Ninh; Trường cao đẳng nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng; Nhà điều hành VINACOM - Tập đoàn than và khoáng sản Việt Nam...

2.1.1.2. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 - Quân khu 3 là một đơn vị kinh tế trong quân đội. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty hiện nay là nhận thầu xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và sản xuất các mặt hàng truyền thống cơ khí, mộc, kết hợp thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, địa bàn hoạt động của công ty rộng khắp trên toàn quốc.

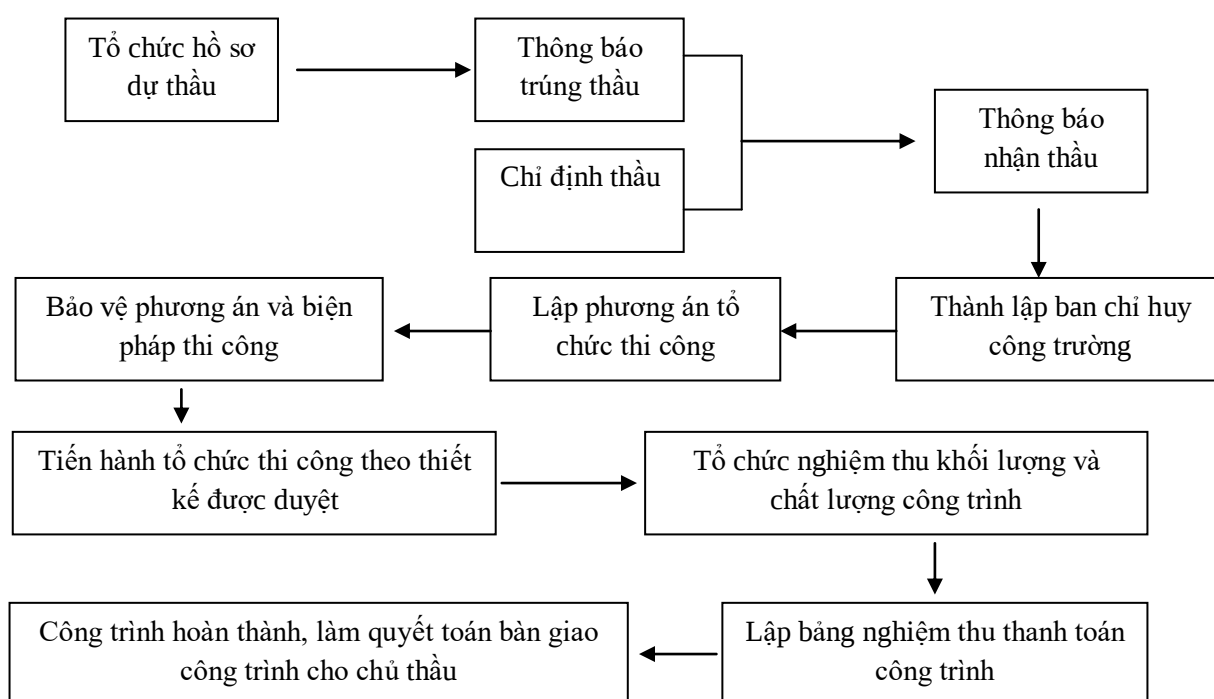
Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi,...

Sản phẩm chủ yếu: Nhà ở, trụ sở làm việc, đường giao thông.

2.1.1.3. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí Nghiệp 7 là một doanh nghiệp kinh doanh độc lập, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản nên thời gian hoàn thành một sản phẩm dài hay ngắn phụ thuộc vào từng công trình, hạng mục công trình. Sản phẩm của ngành xây dựng mang tính đơn chiếc, thị trường phân tán, tổ chức sản xuất ở cấp đội được biên chế đầy đủ cán bộ chỉ huy, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kế toán...

Tùy theo quy mô và độ phức tạp của công trình, công ty sẽ quyết định giao khoán cho các đội với từng hạng mục công trình cụ thể, khoán gọn hay chỉ khoán khoản mục chi phí. Cá nhân, bộ phận có trách nhiệm sẽ lên kế hoạch và tiến hành thi công. Công ty có vai trò cùng giám sát tiến độ và chất lượng thi công công trình, tiến hành nghiệm thu khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành.

Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại công ty Duyên Hải**2.1.1.4. Tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự****➤ Tình hình sản xuất kinh doanh**

Một số chỉ tiêu thể hiện kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Duyên Hải – Xí nghiệp 7 trong những năm gần đây

Đơn vị: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
I	Giá trị sản lượng	215.850.679.250	250.950.678.365	268.654.598.690
II	Doanh thu thuần	202.655.189.790	231.751.922.312	255.553.588.882
	1. Doanh thu sản phẩm quốc phòng	20.268.439.650	15.269.430.635	29.642.082.454
	2. Doanh thu các sản phẩm kinh tế	182.386.750.140	216.482.491.677	225.911.506.428
III	Lợi nhuận sau thuế	2.515.645.125	3.303.291.571	3.884.135.623
IV	Nộp ngân sách	4.588.950.675	5.052.562.168	6.086.143.704
V	Thu nhập bình quân	6.000.000	6.000.000	6.600.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7)

➤ Tổ chức nhân sự

Hiện nay Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 có tổng số lao động là 527 người.

+ Lao động trực tiếp: 474 người (70% trình độ tay nghề 4/7)

+ Lao động gián tiếp: 54 người. Trong đó:

Trình độ đại học và trên đại học 29 người (chiếm 53%)

Trình độ cao đẳng 4 người (chiếm 8%)

Trình độ trung cấp 9 người (chiếm 16%)

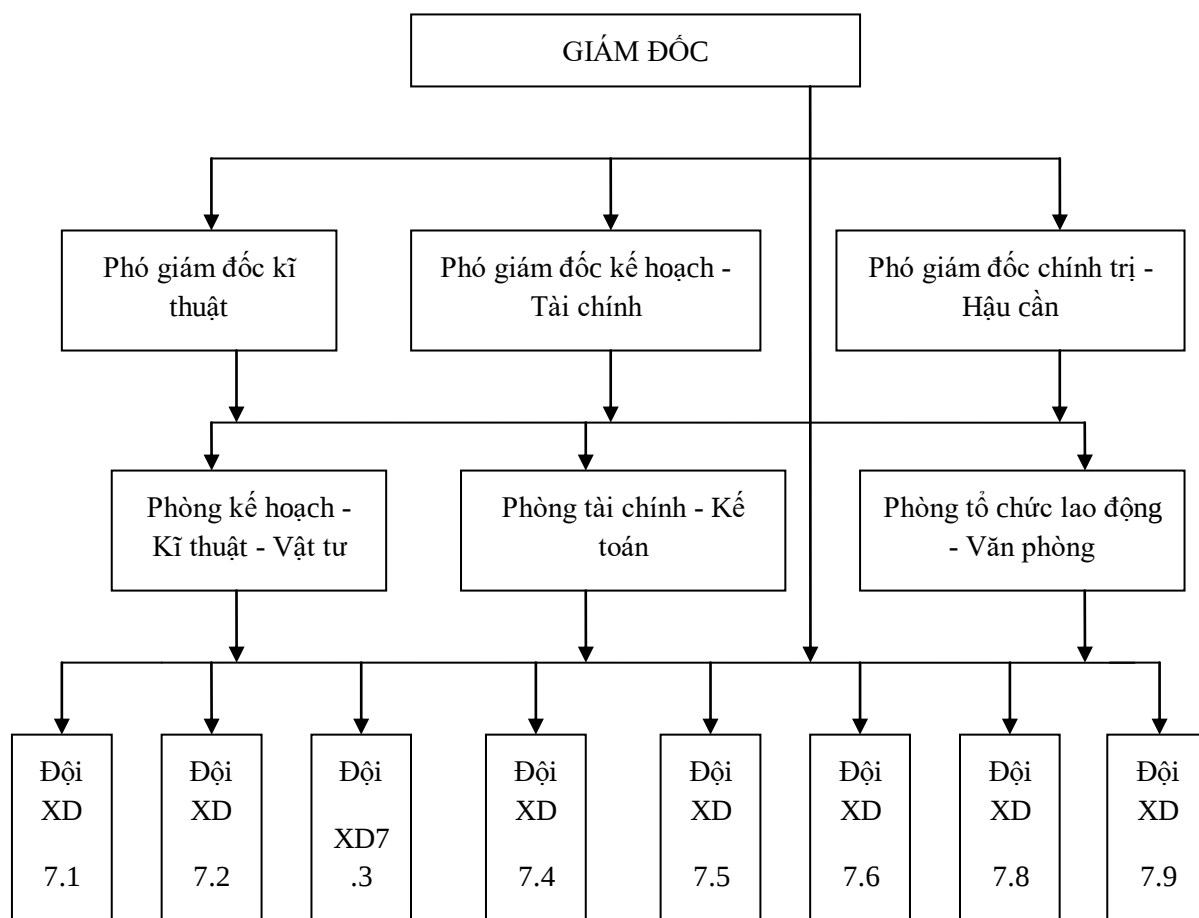
Trình độ sơ cấp 12 người (chiếm 23%)

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – Công ty Duyên Hải)

2.1.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, từ Ban giám đốc Xí nghiệp và các phòng ban chức năng đến các đội trực thuộc được tinh giảm gọn nhẹ, đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý.

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Duyên Hải – Xí nghiệp 7



Trong đó:

- **Giám đốc Xí nghiệp:** Là người quản lý cao nhất trong xí nghiệp, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trước giám đốc công ty, trước Nhà nước và pháp luật.

- **Phó giám đốc kỹ thuật:** Phụ trách vấn đề kỹ thuật thi công cho các bộ phận sản xuất kịp đáp ứng tiến độ yêu cầu song vẫn đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- **Phó giám đốc kế hoạch - Tài chính:** Phụ trách kế hoạch và tài chính của đơn vị như chỉ đạo kế hoạch sản xuất, tham mưu về kế hoạch tài chính.

- **Phó giám đốc chính trị - Hậu cần:** Phụ trách vấn đề chính trị hậu cần của đơn vị như vấn đề tổ chức Đảng, tổ chức công đoàn, tổ chức biên chế nhân sự, tổ chức hành chính và các tổ chức khác của đơn vị.

- **Phòng kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư:** Lập các kế hoạch sản xuất, lập dự toán cho công trình, tham gia đấu thầu các công trình, chỉ đạo kỹ thuật thi công cho các bộ phận sản xuất, cung cấp thiết bị vật tư kịp thời.

- **Phòng tài chính - Kế toán:** Theo dõi tình hình tài chính của đơn vị, tình hình nguồn vốn, luân chuyển vốn, theo dõi công nợ, tập hợp chi phí tính giá thành, xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để cung cấp thông tin chính xác cho ban giám đốc về quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

- **Phòng tổ chức lao động - Văn phòng:** Tổ chức nhân sự, tổ chức xét duyệt nâng lương cho các cán bộ công nhân viên, tổ chức thi nâng bậc cho công nhân, làm thủ tục chế độ nghỉ hưu, mất sức cho công nhân viên trong xí nghiệp. Đảm bảo công việc tiếp tân, tiếp khách, sắp xếp chỗ ăn ở cho cán bộ công nhân viên, soạn thảo và tiếp nhận công văn giấy tờ.

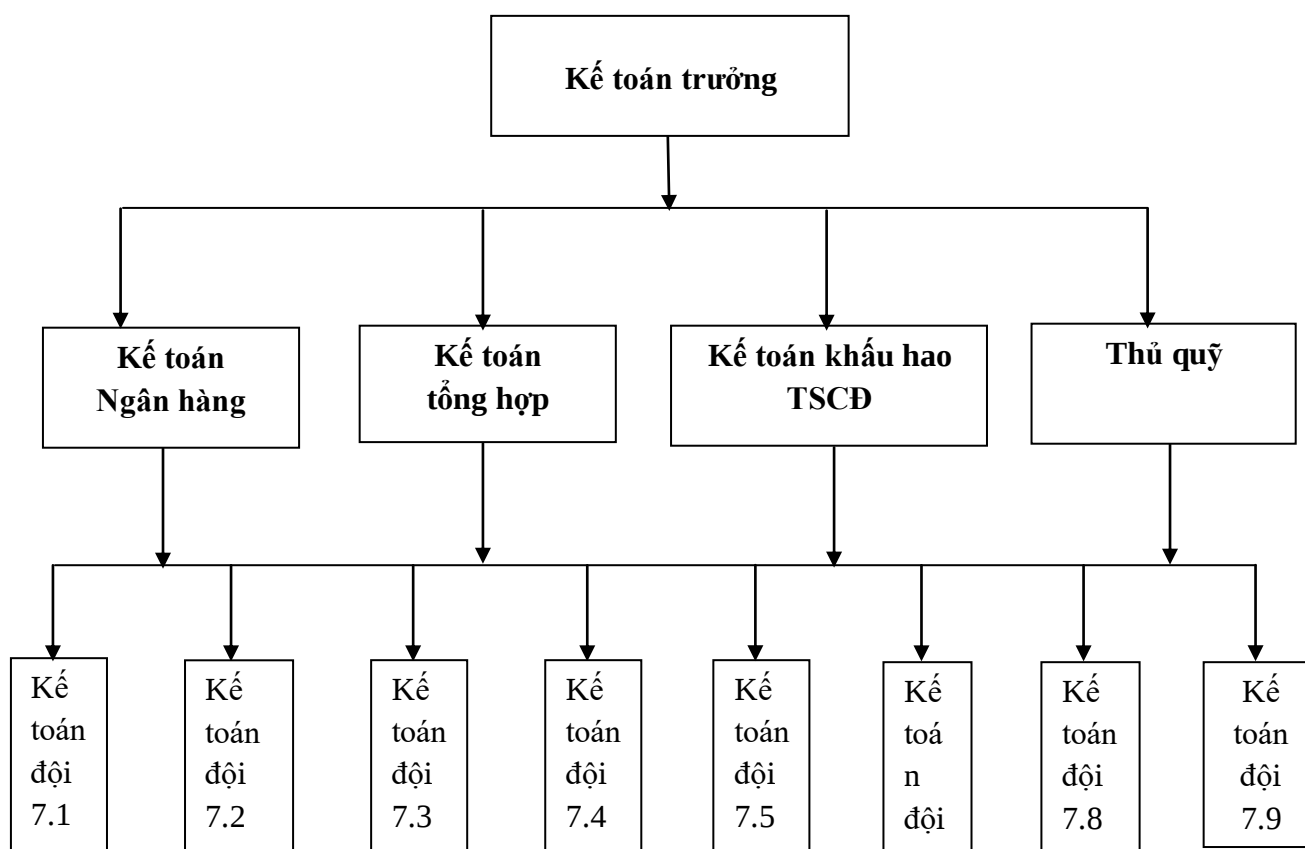
- **Các đội sản xuất** (Đứng đầu là đội trưởng): Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy - Ban giám đốc xí nghiệp về tổ chức, quản lý điều hành sản xuất của đội.

2.1.2. Thực tế tổ chức kế toán tại Công ty TNHH một thành viên MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 là doanh nghiệp có quy mô lớn ở cấp xí nghiệp, địa bàn hoạt động trải rộng khắp cả nước. Để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất, công ty đã vận dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán nửa tập trung, nửa phân tán (mô hình hạch toán báo sổ). Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức thành Ban tài chính và nhân viên kế toán tại các Đội. Hàng tháng, kế toán đội tập hợp toàn bộ chứng từ giao nộp về Ban tài chính Công ty, kế toán Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ gốc, và tiến hành ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Duyên Hải - Xí nghiệp 7



- **Kế toán trưởng** (Kiêm trưởng phòng kế toán): Là người chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức có hiệu quả hoạt động kinh doanh, điều hành tổ chức kế toán trong phòng kế toán. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc và cấp trên về mọi hoạt động kế toán tài chính của xí nghiệp.

- **Kế toán tiền gửi ngân hàng huy động vốn**: Thực hiện quan hệ giao dịch với các ngân hàng như thu, chi tiền gửi ngân hàng, huy động vốn để đảm bảo cho hoạt động sản xuất diễn ra bình thường. Đồng thời theo dõi việc hoàn trả vốn.

- **Kế toán tổng hợp**: Thực hiện các công việc sau:

+ Xử lý các loại sổ liệu, tập hợp chi phí.

- + Đánh giá sản phẩm làm dở, tính giá thành sản phẩm.
- + Thực hiện kế toán vốn bằng tiền và kế toán quản lý doanh nghiệp.
- + Lập các báo cáo kế toán, báo cáo tài chính

- **Kế toán tài sản cố định và theo dõi tình hình công nợ:** Quản lý tình hình về TSCĐ của công ty như: Tình hình tăng, giảm TSCĐ; Tính khấu hao và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ; Lập báo cáo về TSCĐ theo năm.

- **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm về quản lý quỹ tiền mặt, thu chi tiền mặt thông qua các phiếu thu, phiếu chi được duyệt.

.- **Kế toán đội:** Là người thường xuyên theo dõi và bám sát các công trình xây dựng, tập hợp các chứng từ ban đầu gửi về Phòng tài chính Xí nghiệp để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Ngoài ra, công việc thường xuyên của kế toán đội là thực hiện việc thanh quyết toán với các nhân viên của đội.

2.1.2.2. Thực tế vận dụng chế độ kế toán tại công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

➤ Chế độ, chính sách kế toán tại công ty

- **Niên độ kế toán:** Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.
- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Việt Nam đồng
- **Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán doanh nghiệp xây lắp theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC
- **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Chứng từ ghi sổ
- **Phương pháp kế toán hàng tồn kho:**
 - + Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo giá gốc
 - + Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho trong kỳ: Thực tế đích danh
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- **Phương pháp kế toán tài sản cố định:**
 - + Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo giá gốc
 - + Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao tuyến tính
- **Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng:** Phương pháp khấu trừ

➤ Hệ thống chứng từ kế toán

Hiện nay công ty đang sử dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

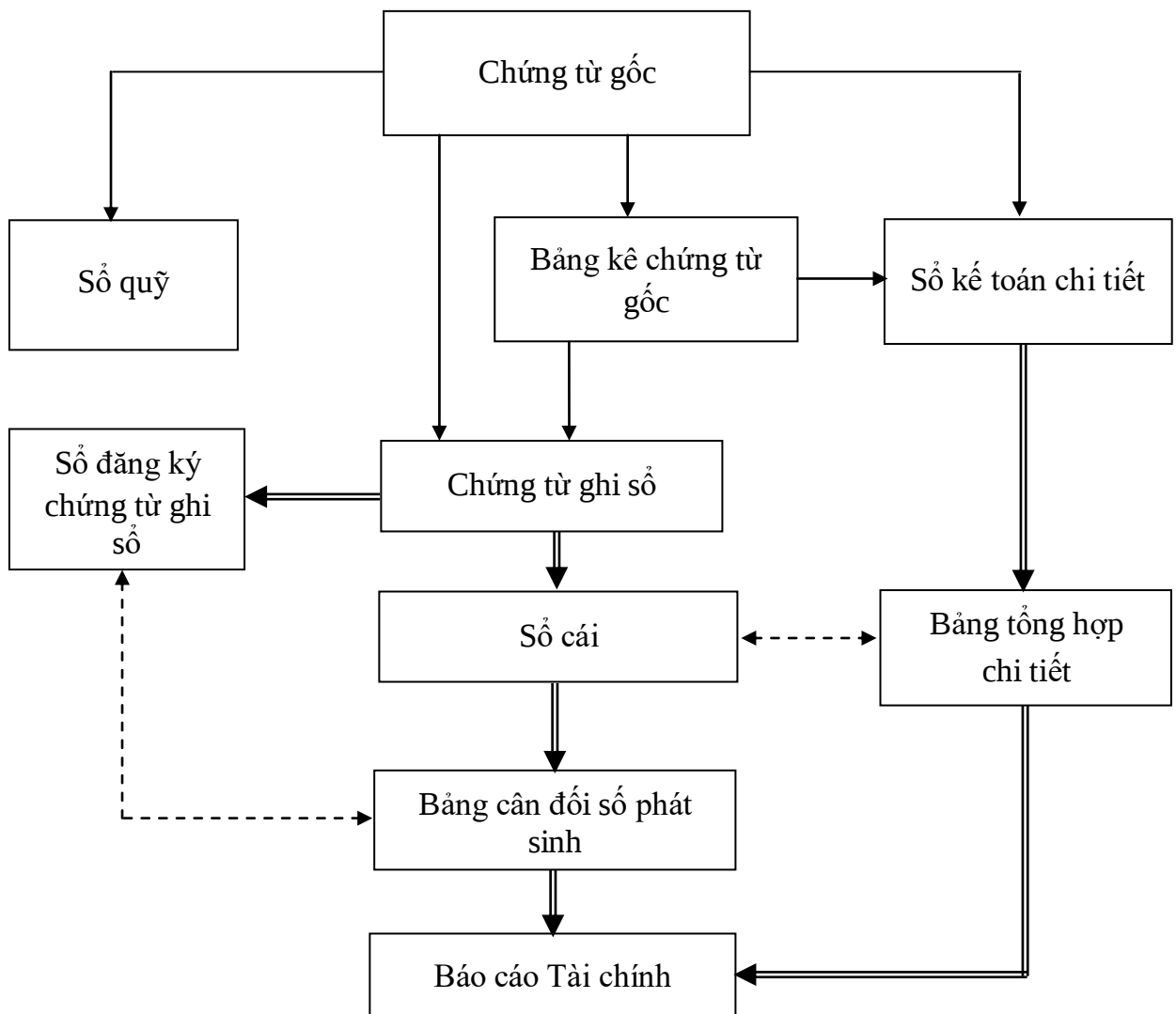
➤ Hệ thống tài khoản kế toán

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

➤ **Hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hệ thống sổ sách theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, bao gồm các sổ tổng hợp (Chứng từ ghi sổ; Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái theo mẫu quy định của Bộ tài chính) và sổ, thẻ kế toán chi tiết theo hướng dẫn của Nhà nước và yêu cầu quản lý của công ty. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 như sau:

Sơ đồ 2.4. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty Duyên Hải - Xí nghiệp 7



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- > Quan hệ đối chiếu
- ====> Ghi cuối tháng

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ gốc đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh rồi ghim với tập chứng từ gốc và bảng kê, chứng từ ghi sổ đã lập để lưu tại công ty. Kế toán căn cứ vào các Sổ chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết rồi tiến hành lập Báo cáo kế toán.

➤ **Hệ thống báo cáo kế toán**

Công ty Duyên Hải – Xí nghiệp 7 áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước, bao gồm các báo cáo sau:

- + Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN).

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7

Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán của Công ty được thể hiện như sau:

+) Phương thức thanh toán: Là cách thức thực hiện chi trả cho hợp đồng mua bán được sự thống nhất của bên bán và bên mua

Tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7 có hai phương thức thanh toán là thanh toán ngay (trực tiếp) và chậm trả

- *Phương thức thanh toán ngay (trực tiếp):* Đây là phương thức thanh toán do bên mua thanh toán ngay cho người bán sau khi nhận được hàng. Phương thức thanh toán trực tiếp này có thể thanh toán bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

- *Phương thức thanh toán chậm trả:* Đây là phương thức thanh toán khi mà doanh nghiệp đã giao hàng cho người mua nhưng chưa được thanh toán. Thời gian địa điểm thanh toán được quy định trong hợp đồng, việc thanh toán chậm trả có thể sẽ được thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi như thỏa thuận trong hợp đồng.

+) Hình thức thanh toán: Tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7 có các hình thức thanh toán như: Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản

- *Đối với người mua hàng:*

Sản phẩm chủ yếu của Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí Nghiệp 7 là từ việc xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng,... nên hình thức thanh toán của Công ty là thanh toán bằng chuyển khoản

- *Đối với người bán hàng:*

Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Còn đối với nhà cung cấp lâu năm, nhà cung cấp theo hình thức hàng gởi hàng công ty áp dụng hình thức trả ngay hoặc trả chậm tùy vào thỏa thuận của hai bên.

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt thường áp dụng với đơn hàng với giá trị nhỏ hơn 20.000.000 đồng. Với đơn hàng có giá trị lớn từ 20.000.000 đồng bắt buộc phải chuyển khoản

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí Nghiệp 7

+ *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Hợp đồng mua bán
- Phiếu thu (mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có (Mẫu số C2-01a/NS)
- Giấy đề nghị thanh toán (mẫu số 05-TT)
- Các chứng từ khác có liên quan

+ *Tài khoản sử dụng:*

TK 131: Phải thu của khách hàng

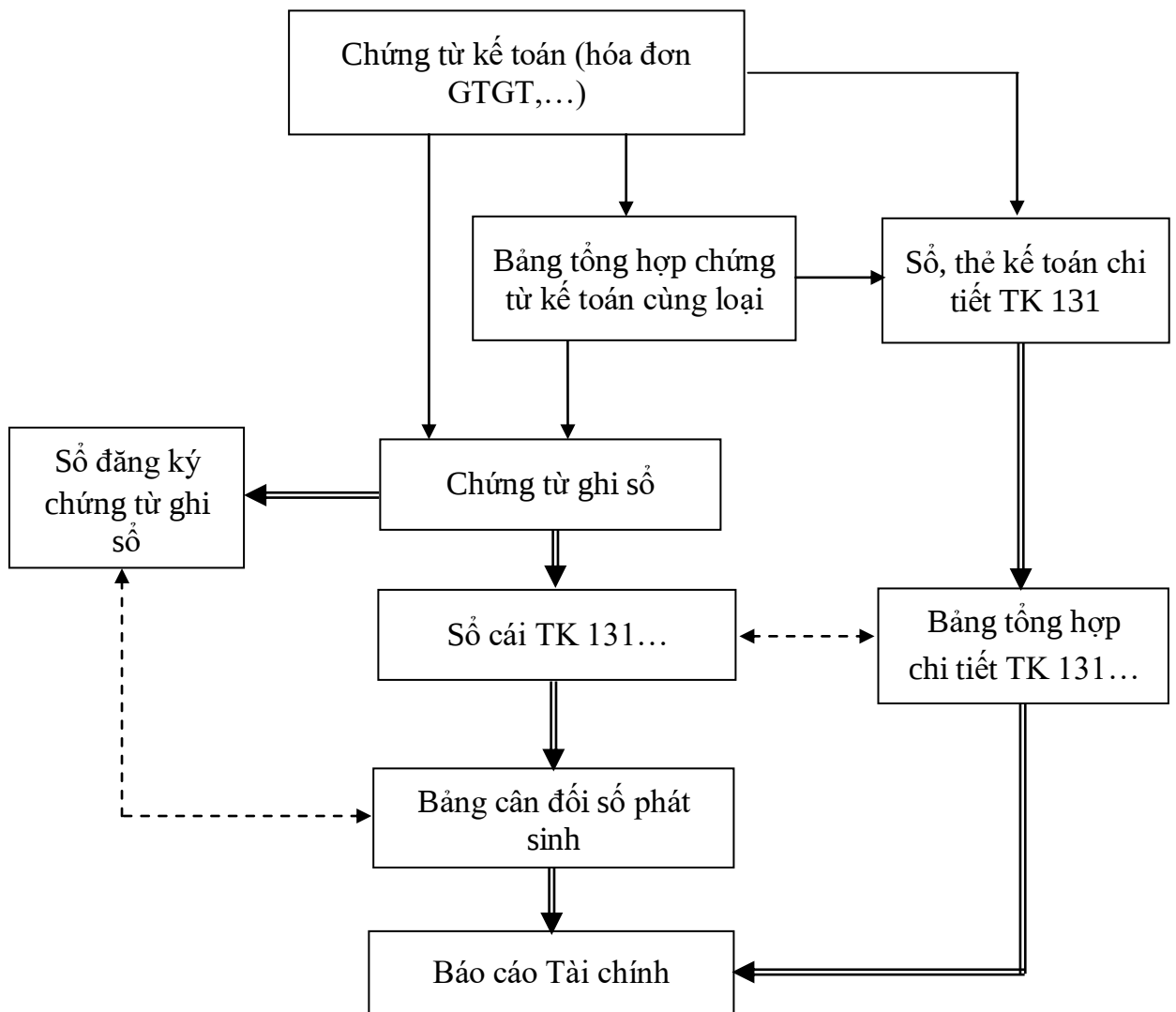
Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thanh toán với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng. Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

+ *Quy trình hạch toán*

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xi Nghiệp 7



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- > Quan hệ đối chiếu
- ====> Ghi cuối tháng

+ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 15/09/2016, theo Giấy báo có số 550, bên Chủ đầu tư thanh toán cho Công ty bằng chuyển khoản thi công xây dựng công trình: Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh. Tổng số tiền là 3.859.750.000 đồng

Căn cứ vào giấy báo có số 550 ngày 15/9/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK 131** có liên quan đến ghi nợ TK 112. (**Biểu số 2.7**). Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 131, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.8)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 131 (Biểu số 2.9)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 131, kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.1: (Trích giấy báo có ngân hàng số 550 ngày 15/9/2016)

**NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI CHI
NHÁNH BẮC HẢI PHÒNG**

**MST KH: 0105753635001
MST NH: 0100283873-020
GDV: HOFA1.61
Nguyên tệ: VND
Số: 550**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 15 tháng 09 năm 2016

Mã giao dịch: FT16182106671010

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 2631100640004

Số tiền bằng số: 3.859.750.000 đồng

Số

iết bằng chữ: (Ba tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.)

Nội dung: Chủ đầu tư thanh toán tiền thi công Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 2: Ngày 18/09/2016, theo Giấy báo có số 562, bên Chủ đầu tư thanh toán cho Công ty bằng chuyển khoản thi công xây dựng công trình: Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh. Tổng số tiền là 5.250.678.900 đồng

Căn cứ vào giấy báo có số 562 ngày 18/9/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK 131** có liên quan đến ghi nợ TK 112. (**Biểu số 2.7**). Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 131, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.8)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 131 (Biểu số 2.9)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 131, kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.2: (Trích giấy báo có ngân hàng số 562 ngày 18/9/2016)

**NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI CHI
NHÁNH BẮC HẢI PHÒNG**

**MST KH: 0105753635001
MST NH: 0100283873-020
GDV: HOFA1.61
Nguyên tệ: VND
Số: 562**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 18 tháng 09 năm 2016

Mã giao dịch: FT16182106671010

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 2631100640004

Số tiền bằng số: 5.250.678.900 đồng

Số viết bằng chữ: (Năm tỷ, hai trăm năm mươi triệu, sáu trăm bảy tám ngàn, chín trăm đồng chẵn./.)

Nội dung: Chủ đầu tư thanh toán tiền thi công Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 3: Ngày 20/09/2016 theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0005358 Doanh thu công trình: Gói thầu số 09. Xây dựng các hạng mục Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh. Tổng số tiền thanh toán: 7.324.143.000 đ, thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp 10% là 665.831.182 đ

Căn cứ vào hóa đơn số 0005358 ngày 20/9/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK: 511, 3331**, có liên quan đến ghi **nợ TK 131 (Biểu 2.5)**. Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK: 511, 3331, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.6)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 131 (Biểu số 2.9)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ gốc kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.3: (Trích hóa đơn GTGT số 0005358 ngày 20/9/2016)

Mẫu số: 01GTTK3/001
Ký hiệu: DH/14P
Số: 0005358

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày: 20 tháng 9 năm 2016

MỘT THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI
Trần Học - Phường Vĩnh Kiều - Quận 8 - Đồng - Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 04.3382.0711 - Fax: 04.3382.0604
Mã số thuế: 016773871

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DUYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7
Số 238 Đường Lê Duẩn - Phường Bắc Sơn
Quận Kiến An - thành phố Hải Phòng
MST: 0105753635001

Đơn vị bán hàng:
Địa chỉ:
Số tài khoản:
Điện thoại:

MS:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải
Địa chỉ: Số 118 Nguyễn Thái Học - P. Yên Kiển - Q. Hà Nội
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: CK MS: 0105753635

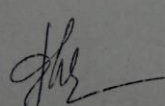
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
	Đoanh thu công trình gói thầu Số CG: XD các hạng mục nhà chân 1: gồm Nhà chủ đầu tư, nhà ở ĐD3, nhà ĐD1 và ĐD2, nhà ăn, nhà bếp, nhà WC, nhà tắm, cấp thoát nước ngoài nhà, tường cây xanh thuộc địa điểm XD DT trước được 1,2/lot 239/1Bis chung công việc				6.658.311.818
Tổng tiền hàng:					6.658.311.818
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					665.831.182
Tổng cộng tiền thanh toán:					7.324.143.000

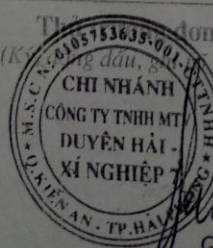
Số tiền viết bằng chữ (Bằng tỷ, hai trăm hai mươi tư triệu, một trăm bốn mươi
hai nghìn đồng chẵn)

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Hương



GIÁM ĐỐC
LÊ QUANG TU

Website: <http://www.duyenhai.com.vn>

Ví dụ 4: Ngày 30/09/2016 theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0005369 Doanh thu công trình: Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh. Tổng số tiền thanh toán: 6.568.100.000đ, thuế GTGT đầu ra phải nộp 10% là 597.100.000đ

Căn cứ vào hóa đơn số 0005369 ngày 30/9/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK: 511, 3331**, có liên quan đến ghi **nợ TK 131 (Biểu 2.5)**. Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK: 511, 3331, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.6)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 131 (Biểu số 2.9)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ gốc kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.4: (Trích hóa đơn GTGT số 0005369 ngày 30/9/2016)

Mẫu số: 01GTTK3/001
Ký hiệu: DH/14P
Số: 0005369

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3 / Nội bộ
Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI - XI NGHIỆP 7
Số 23B Đường Lê Duẩn - Phường Bắc Sơn
Quận Kiến An - thành phố Hải Phòng
MST: 0105753635001

Địa chỉ: ...
Số tài khoản: ...
Điện thoại: ... MS: ...

Họ tên người mua hàng: ...
Tên đơn vị: ...
Địa chỉ: ...
Số tài khoản: ...
Hình thức thanh toán: ... MS: ...

SIT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	...	...	...	...	6 = 4x5
	...				5.971.000.000
	...				597.100.000
	...				6.568.100.000

Con: ...
Thuế suất GTGT: 10% ...
Tổng cộng tiền thanh toán: ...
Số tiền viết bằng chữ: ...
Người mua hàng: ...
Người bán hàng: ...
Giám đốc: LÊ QUANG TU

(Cán, kiểm tra, đóng, ch, cũ, ký, lập, giao, nhận, hóa đơn)
Web site: http://www.duyenhai.com.vn

Biểu số 2.5. Bảng kê chứng từ ghi có TK 511; 3331

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 511; 3331

Tháng 09 năm 2016

Số C.Từ	Ngày tháng	Nội dung	Ghi có tài khoản		Ghi nợ tài khoản 131
			TK 511	TK 3331	
....					
HD 0005358	20/9/16	Doanh thu công trình: Gói thầu số 09. Xây dựng các hạng mục Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	6.658.311.818	665.831.182	7.324.143.000
....					
HD 0005369	30/9/16	Doanh thu công trình: Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	5.971.000.000	597.100.000	6.568.100.000
HD 0005370	30/9/16	Doanh thu công trình: Nhà máy sản xuất, gia công dày, dẹt xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	7.789.811.332	778.981.133	8.568.792.465
HD 0005371	30/9/16	Doanh thu công trình: Nhà ở công nhân/Công ty Xây dựng hầm lò 1.VINACOMIN	5.061.722.329	506.172.233	5.567.894.562
....					
		Tổng cộng	38.780.412.442	3.878.041.244	42.658.453.686

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6. Chứng từ ghi sổ

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số S02a-DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

Số: 246

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 09 năm 2016

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Số tiền phải thu của khách hàng Tháng 9/2016	131	511	38.780.412.442	
	131	3331	3.878.041.244	
Cộng			42.658.453.686	

Kèm theo 01 bảng kê chứng từ ghi có TK 511; 3331

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7. Bảng kê chứng từ ghi có TK 131

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 131

Tháng 09 năm 2016

Số C.Từ	Ngày tháng	Nội dung	Ghi có tài khoản 131	Ghi nợ tài khoản 112
....				
GBC 550	15/9/2016	Chủ đầu tư thanh toán tiền thi công Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	3.859.750.000	3.859.750.000
GBC 562	18/9/2016	Chủ đầu tư thanh toán tiền thi công Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	5.250.678.900	5.250.678.900
GBC 568	25/9/2016	Công ty TNHH Bai Hong thanh toán lần 3 thi công công trình: Nhà máy sản xuất, gia công dày, dép xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	15.000.000.000	15.000.000.000
GBC 575	30/9/2016	Công ty Xây dựng hầm lò 1.VINACOMIN thanh toán tiền thi công công trình: Nhà ở công nhân/Công ty Xây dựng hầm lò 1.VINACOMIN	3.000.000.000	3.000.000.000
....				
		Tổng cộng	48.971.565.000	48.971.565.000

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8. Chứng từ ghi sổ

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số S02a-DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

Số: 256

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 09 năm 2016

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Số tiền đã thu được của khách hàng Tháng 9/2016	112	131	48.971.565.000	
Cộng			48.971.565.000	

Kèm theo 01 bảng kê chứng từ ghi có TK 131

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9. Trích sổ cái TK 131

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 131 – Phải thu của khách hàng

(Trích dẫn)

Tháng 9 năm 2016

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng		45.465.726.782	
		Số phát sinh			
.....					
246	30/9/16	Doanh thu công trình: Gói thầu số 09. Xây dựng các hạng mục Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	511	6.658.311.818	
			333	665.831.182	
246	30/9/16	Doanh thu công trình: Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	511	5.971.000.000	
			333	597.100.000	
246	30/9/16	Doanh thu công trình: Nhà máy sản xuất, gia công dày, dẹt xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	511	7.789.811.332	
			333	778.981.133	
246	30/9/16	Doanh thu công trình: Nhà ở công nhân/Công ty Xây dựng hầm lò 1.VINACOMIN	511	5.061.722.329	
			333	506.172.233	
256	30/9/16	Số tiền đã thu được của khách hàng Tháng 9/2016	112		48.971.565.000
.....					
		Cộng phát sinh		42.658.453.686	48.971.565.000
		Số dư cuối tháng		39.152.615.468	

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10. Sổ chi tiết thanh toán với người mua**Mẫu số S31-DN**

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Địa chỉ: Số 238 đường Lê Duẩn, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng****Đối tượng: Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh****Tháng 9 năm 2016***Đơn vị tính: Đồng*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				5.560.789.543	
18/9/16	GBC 562	18/9/16	Chủ đầu tư thanh toán trả tiền cho Công ty theo Giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành lần 4	112		5.250.678.900	310.110.643	
20/9/16	HD 0005358	20/9/16	Doanh thu công trình: Gói thầu số 09. Xây dựng các hạng mục Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	511	6.658.311.818		6.968.422.461	
				3331	665.831.182		7.634.253.643	
26/9/16	GBC 571	26/9/16	Chủ đầu tư thanh toán trả tiền cho Công ty theo Giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành lần 5	112		4.500.000.000	3.134.253.643	
			Cộng phát sinh		7.324.143.000	9.750.678.900		
			Số dư cuối kỳ				3.134.253.643	

Nguồn trích: Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7- Tháng 9/2016

Biểu số 2.11. Sổ chi tiết thanh toán với người mua**Mẫu số S31-DN**

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: Số 238 đường Lê Duẩn, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng****Đối tượng: Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh****Tháng 9 năm 2016***Đơn vị tính: Đồng*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				6.789.456.845	
15/9/16	GBC 550	15/9/16	Chủ đầu tư thanh toán trả tiền cho Công ty theo Giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành lần 2	112		3.859.750.000	2.929.706.845	
30/9/16	HD 0005369	30/9/16	Doanh thu công trình: Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	511	5.971.000.000		8.900.706.845	
				3331	597.100.000		9.497.806.845	
30/9/16	GBC 576	30/9/16	Chủ đầu tư thanh toán trả tiền cho Công ty theo Giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành lần 3	112		6.789.456.000	2.708.350.845	
			Cộng phát sinh		6.568.100.000	10.649.206.000		
			Số dư cuối kỳ				2.708.350.845	

Nguồn trích: Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7- Tháng 9/2016

Biểu số 2.12. Bảng tổng hợp phải thu của khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Địa chỉ: Số 238 đường Lê Duẩn, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng****Tháng 9 năm 2016***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
....							
6	Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	5.560.789.543		7.324.143.000	9.750.678.900	3.134.253.643	
7	Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	6.789.456.845		6.568.100.000	10.649.206.000	2.708.350.845	
8	Công trình Nhà máy sản xuất, gia công dây, dép xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	15.896.546.752		8.568.792.465	15.000.000.000	9.465.339.217	
9	Công trình Nhà ở công nhân/Công ty Xây dựng hầm lò 1.VINACOMIN	2.956.423.746		5.567.894.562	3.000.000.000	5.524.318.308	
....							
	Cộng	45.465.726.782		42.658.453.686	48.971.565.000	39.152.615.468	

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí Nghiệp 7**+ Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng, Ủy nhiệm chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ khác có liên quan

+ Tài khoản sử dụng:

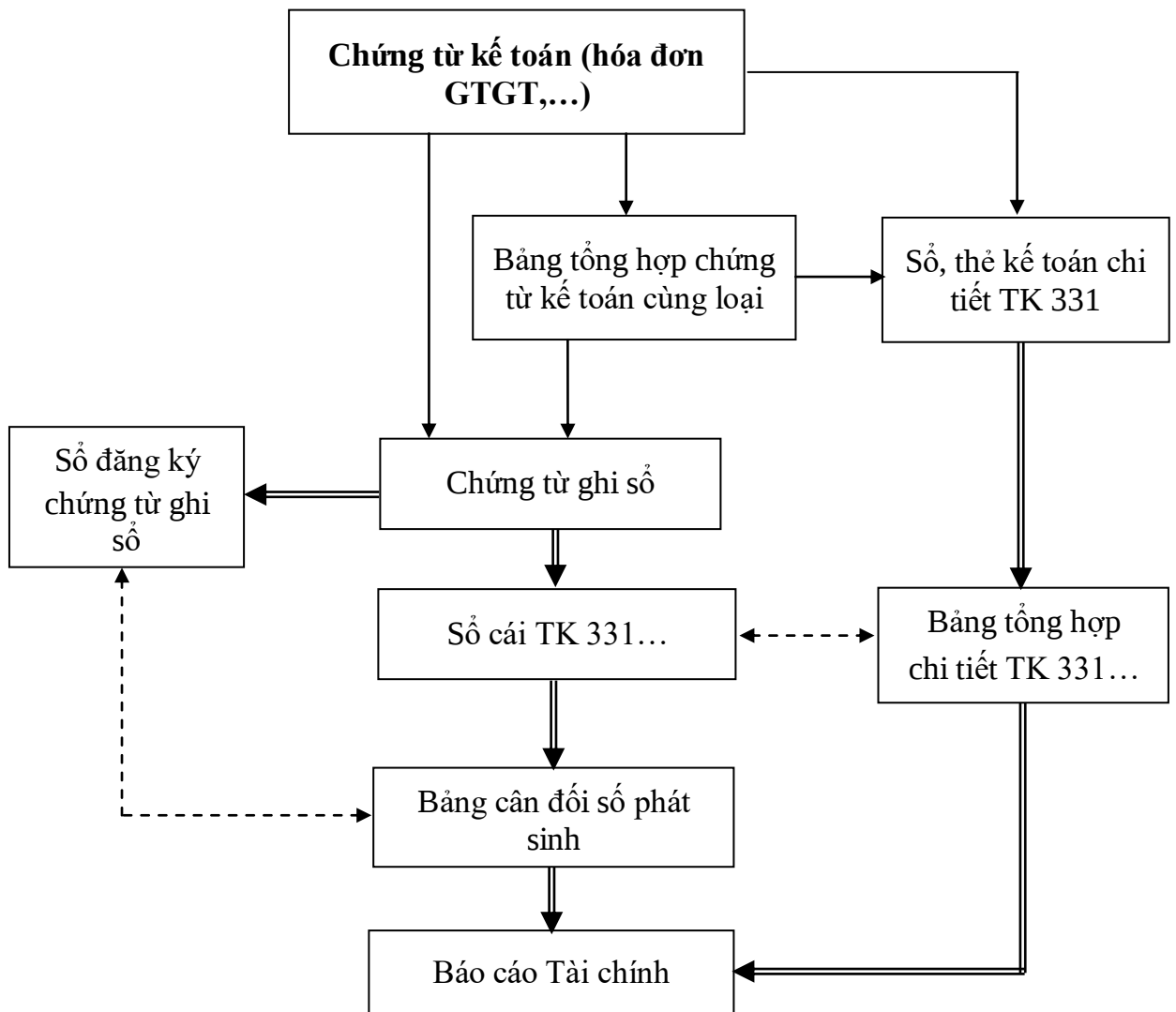
Tài khoản 331: Phải trả người bán

Tài khoản này được mở để theo dõi các tài khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các tài khoản:

- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu
- TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

+ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xi Nghiệp 7



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- > Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

+ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Theo hóa đơn GTGT số 0000602 ngày 12/9/2016. Đồng chí Đào Đình Dũng – Đội xây dựng 72 mua vật tư của Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu để thi công xây dựng công trình Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh, đơn vị chưa trả tiền, giá chưa có thuế GTGT 10.165.000 đ, thuế GTGT 10%: 1.016.500 đ. Tổng giá thanh toán 11.181.500 đ.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000602 ngày 12/9/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK 331**, có liên quan đến ghi nợ TK 152, 133. (**Biểu số 2.17**). Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 331, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.18)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ (**Biểu số 2.22**), sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 331, kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.13: (Trích hóa đơn GTGT số 0000602 ngày 12/9/2016)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

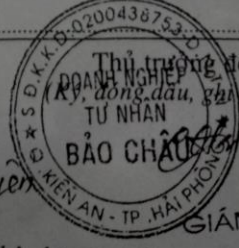
Ngày 12 tháng 09 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: 0000602


DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BẢO CHÂU
ISO: 9001 - 2000

Đơn vị bán hàng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BẢO CHÂU**
Mã số thuế: 0200438753
Địa chỉ: Số 726 Trường Chinh, Phường Quán Trữ, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại: 0313.876854 * Fax: 0313.790472
Số tài khoản: 32110000032385 tại Ngân hàng BIDV - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Đào Đình Dũng
Tên đơn vị: Chi nhánh công ty TNHH một thành viên Duyên Hải - Xi nghiệp 7
Mã số thuế: 0105753635 - 001
Địa chỉ: Số 238 Lê Duẩn - Phường Bắc Sơn - Quận Kiến An - TP. Hải Phòng
Hình thức thanh toán: TIỀN CASH Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Gạch 250 x 400	m ²	85,0	95.000	8.075.000
02	Gạch 250 x 250	m ²	22,0	95.000	2.090.000
Cộng tiền hàng: 10.165.000					
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.016.500	
Tổng cộng tiền thanh toán				11.181.500	
Số tiền viết bằng chữ: <u>Mười một triệu một trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng</u>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		 Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) BẢO CHÂU KIẾN AN - TP. HẢI PHÒNG GIÁM ĐỐC <u>Nguyễn Phi Châu</u>	
<u>Nguyễn Phi Châu</u>		<u>Nguyễn Phi Châu</u>			
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

In tại Công ty Cổ phần bao bì Đồ họa Chuyên nghiệp Mã số thuế: 0200638946, E.T: 031.3526557-3686954

Ví dụ 2: Theo hóa đơn GTGT số 0000087 ngày 25/9/2016. Đồng chí Đào Đình Dũng – Đội xây dựng 72 mua vật tư của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kinh doanh tổng hợp Thanh Tùng để xây dựng Công trình Nhà máy sản xuất, gia công dày, dèp xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong, đơn vị chưa trả tiền, giá chưa có thuế GTGT 13.780.000 đ, thuế giá trị gia tăng 10%: 1.378.000 đ. Tổng giá thanh toán 15.158.000 đ.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000087 ngày 25/9/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK 331**, có liên quan đến ghi nợ TK 152, 133. (**Biểu số 2.17**). Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 331, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.18)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ (**Biểu số 2.22**), sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 331, kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.14: (Trích hóa đơn GTGT số 0000087 ngày 25/9/2016)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DVKD TỔNG HỢP THANH TÙNG
 Mã số thuế: 0104564882
 Địa chỉ: Xóm Mới, Xã Thọ An, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại:
 Số tài khoản: 26010000054701 Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hà Nội

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao cho người mua
 Ngày: 25 tháng 09 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/002
 Ký hiệu: TT/16P
 Số: 0000087

Họ tên người mua hàng: Đào Đình Dũng
 Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty TNHH Mới Thành Viên Huyện Hải Xí Nghiệp 7
 Địa chỉ: Số 238 Lê Duẩn - Bắc Sơn - Kiến An - Hải Phòng
 Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

MST: 0105753635-001

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1)	Cát đen	m ³	4	100.000	400.000
2)	Cát mịn 0,7 ÷ 1,4	m ³	13	100.000	1.300.000
3)	Cát mịn 1,5 ÷ 2,0	m ³	20	100.000	2.000.000
4)	Cát vàng	m ³	14	280.000	3.920.000
5)	Đá 1x2	m ³	18	250.000	4.500.000
6)	Đá 2x4	m ³	2	230.000	460.000
7)	Đá 4x6	m ³	6	200.000	1.200.000
Cộng tiền hàng:					13.780.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 1.378.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					15.158.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			
(Cán kiểm tra, đối chiếu khi lập giao, nhận hoá đơn)					
In tại Công ty tổ chức in Hồng Hà, Mã số thuế: 0101549149 * ĐT: 04 22.20.1515 - DD: 09 44.36.368					

Ví dụ 3: Theo phiếu chi số 195 ngày 15/09/2016, Công ty thanh toán bằng tiền mặt cho Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu theo hóa đơn số 0000602 ngày 12/09/2016. Tổng số tiền thanh toán là 11.181500 đ

Căn cứ vào phiếu chi số 195 ngày 15/09/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK 111**, có liên quan đến ghi **nợ TK 331 (Biểu số 2.19)**. Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 111, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.20)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 111, kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.15: (Trích phiếu chi số 195 ngày 15/9/2016)

CTY TNHH MTV DUYÊN HẢI

Mẫu số 02 – TT

XÍ NGHIỆP 7

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Số: 195

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 09 năm 2016

Nợ TK: 331

Có TK: 111

Họ và tên người nhận tiền: Đào Đình Dũng

Địa chỉ: Đội xây dựng 72 - Xí nghiệp 7

Lý do chi: Thanh toán tiền mua vật tư phục vụ Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

Số tiền: 11.181.500 đồng

Bằng chữ: (Mười một triệu, một trăm tám một ngàn, năm trăm đồng chẵn./.)

(Kèm theo chứng từ gốc: Hóa đơn GTGT số 0000602 ngày 12/9/2016)

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn trích: Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7- Tháng 9/2016

Ví dụ 4: Ngày 26/09/2016, theo giấy báo nợ số 656 ngày 26/09/2016. Công ty trả tiền mua vật tư cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kinh doanh tổng hợp Thanh Tùng bằng chuyển khoản. Tổng số tiền là 500.000.000 đ

Căn cứ vào Giấy báo nợ số 656 ngày 20/09/2016 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán lập **Bảng kê chứng từ ghi có TK 112**, có liên quan đến ghi **nợ TK 331 (Biểu số 2.19)**. Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 112, kế toán lập **Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.20)**. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào **Sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21)**. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 112, kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Biểu Số 2.16: (Trích giấy báo nợ ngân hàng số 656 ngày 26/9/2016)

**NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI CHI
NHÁNH BẮC HẢI PHÒNG**

MST KH: 0105753635001

MST NH: 0100283873-020

GDV: GDV: 30214-BHART1.2

Nguyên tệ: VND

Số: 656

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 26 tháng 09 năm 2016

Mã giao dịch: FT16111051528155

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 2631100640004

Số tiền bằng số: 500.000.000 đồng

Số viết bằng chữ: (Năm trăm triệu đồng chẵn./.)

Nội dung: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 trả tiền mua vật tư cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kinh doanh tổng hợp Thanh Tùng

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.17. Bảng kê chứng từ ghi có TK 331

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 331

Tháng 9 năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 331	Ghi nợ tài khoản		
Số	Ngày			TK 133	TK 152	
...						...
0000602	12/9/16	Mua vật tư của Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu – thi công Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	11.181.500	1.016.500	10.165.000	
0000087	25/9/16	Mua vật tư của Công ty TNHH TM và DVKD tổng hợp Thanh Tùng xây dựng công trình Nhà máy sản xuất, gia công dày, dếp xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	15.158.000	1.378.000	13.780.000	
0000571	30/9/16	Mua vật tư của Công ty CP Tâm Anh Linh – thi công Gói thầu số 03. Xây dựng nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	231.685.300	21.062.300	210.623.000	
...						...
		Cộng	43.965.843.750	3.960.531.250	39.205.312.500	...

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18. Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI

XÍ NGHIỆP 7

BTC

Mẫu số S02a-DN*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)***Số: 258****CHỨNG TỪ GHI SỔ****Tháng 9 năm 2016**

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua vật tư xây dựng công trình	152	331	39.205.312.500	
Thuế VAT đầu vào	133	331	3.960.531.250	
.....				
Cộng			43.965.843.750	

*Kèm theo ...Chứng từ gốc và 01 bảng kê chứng từ ghi có TK 331.**Ngày 30 tháng 09 năm 2016***Người lập**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19. Bảng kê chứng từ ghi có TK 111; 112

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 111; 112

Tháng 09 năm 2016

Số C.Từ	Ngày tháng	Nội dung	Ghi có tài khoản		Ghi nợ tài khoản 331
			TK 111	TK 112	
....					
PC 195	15/9/16	Thanh toán trả Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu bằng tiền mặt	11.181.500		11.181.500
GBN 656	26/9/16	Thanh toán trả Công ty TNHH TM và DVKD tổng hợp Thanh Tùng bằng chuyển khoản		500.000.000	500.000.000
GBN 678	30/9/16	Thanh toán trả Công ty Cổ phần Tâm Anh Linh bằng chuyển khoản		650.500.000	650.500.000
....					
GBN 685	30/9/16	Thanh toán trả Công ty CP thương mại Mạnh Hùng bằng chuyển khoản		482.595.600	482.595.600
....					
		Tổng cộng	650.642.800	40.231.808.300	40.882.451.100

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20. Chứng từ ghi sổ

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Số: 260

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 09 năm 2016

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Số tiền đã trả cho người bán Tháng 9/2016	331	111	650.642.800	
	331	112	40.231.808.300	
Cộng			40.882.451.100	

Kèm theo 01 bảng kê chứng từ ghi có TK 111; 112

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 331

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số S05-DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 331 – Phải trả cho người bán

(Trích dẫn)

Tháng 9 năm 2016

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			6.259.720.500
		Số phát sinh			
.....					
258	30/9/16	Mua vật tư xây dựng công trình	152		39.205.312.500
258	30/9/16	Thuế VAT đầu vào	133		3.960.531.250
260	30/9/16	Thanh toán trả Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu	111	11.181.500	
260	30/9/16	Thanh toán trả Công ty TNHH TM và DVKD tổng hợp Thanh Tùng	112	500.000.000	
260	30/9/16	Thanh toán trả Công ty Cổ phần Tâm Anh Linh	112	650.500.000	
.....					
260	30/9/16	Thanh toán trả Công ty CP thương mại Mạnh Hùng	112	482.595.600	
.....					
		Cộng phát sinh		40.882.451.100	43.965.843.750
		Số dư cuối tháng			9.343.113.150

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22. Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 9 năm 2016

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
.....					
240	30/9/2016	20.465.886.000			
241	30/9/2016	16.725.856.000			
.....					
246	30/9/2016	42.658.453.686			
256	30/9/2016	48.971.565.000			
258	30/9/2016	43.965.843.750			
260	30/9/2016	40.882.451.100			
.....					
Cộng phát sinh					

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để ghi chép vào **Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.22)** kế toán tổng hợp phải căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi. Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra, đối chiếu số liệu với bảng Cân đối số phát sinh.

Biểu số 2.23. Sổ chi tiết thanh toán với người bán**Mẫu số S31-DN**

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: Số 238 đường Lê Duẩn, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**Tài khoản: 331 - Phải trả người bán****Đối tượng: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kinh doanh tổng hợp Thanh Tùng****Tháng 9 năm 2016**

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					865.792.580
.....								
25/9/16	HĐ 0000087	25/9/16	Mua vật tư của Cty TNHH TM và DVKD tổng hợp Thanh Tùng xây dựng công trình Nhà máy sản xuất, gia công dày, dép xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	152		13.780.000		1.279.572.580
				133		1.378.000		1.280.950.580
26/9/16	GBN 656	26/9/16	Thanh toán trả Công ty TNHH TM và dịch vụ kinh doanh tổng hợp Thanh Tùng	112	500.000.000			780.950.580
27/9/16	HĐ 0000092	27/9/16	Mua vật tư của Công ty TNHH TM và DVKD tổng hợp Thanh Tùng xây dựng công trình Nhà máy sản xuất, gia công dày, dép xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	152		350.678.900		1.131.629.480
				133		35.067.890		1.166.697.370
29/9/16	GBN 672	29/9/16	Thanh toán trả Công ty TNHH TM và dịch vụ kinh doanh tổng hợp Thanh Tùng	112	300.000.000			866.697.370
.....								
			Cộng phát sinh		2.096.462.568	1.905.679.580		
			Số dư cuối kỳ					675.009.592

Biểu số 2.24: Bảng tổng hợp phải trả người bán

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Địa chỉ: Số 238 đường Lê Duẩn, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**Tài khoản: 331 - Phải trả người bán****Tháng 9 năm 2016***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
....							
5	Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu		250.750.892	645.940.763	658.940.356		263.750.485
6	Công ty TNHH TM và DVKD tổng hợp Thanh Tùng		865.792.580	2.096.462.568	1.905.679.580		675.009.592
7	Công ty Cổ phần Tâm Anh Linh		423.894.120	1.856.789.452	1.945.678.456		512.783.124
8	Công ty CP thương mại Mạnh Hùng		950.679.564	2.689.723.600	2.556.894.600		817.850.564
....							
	Cộng		6.259.720.500	40.882.451.100	43.965.843.750		9.343.113.150

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Trong những năm gần đây, mặc dù thị trường luôn biến động bất ổn, gây ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 nói riêng. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn và đồng thời gặt hái nhiều thành công trong ngành xây dựng, thi công công trình.

Để thành công như ngày hôm nay, Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 đã đưa ra rất nhiều chính sách phù hợp với thị trường như: Mở rộng, khai thác các thị trường mới, thị trường tiềm năng; tạo mối quan hệ với khách hàng mới cũng như tri ân các khách hàng quen thuộc để tạo dựng mối quan hệ tốt với khách hàng,...Bên cạnh đó không thể không kể đến các Phòng ban trong công ty, điển hình là Phòng tài chính kế toán đã góp phần không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của công ty. Các bộ máy tổ chức của công ty rất hợp lý, hoạt động hiệu quả làm công ty đạt được những kết quả tốt. Đồng thời, công ty luôn chấp hành theo đúng các chế độ kế toán hiện hành, đúng theo quy định của Bộ tài chính. Hằng năm Giám đốc đưa ra các định hướng, mục tiêu đúng đắn, những đổi mới phù hợp với nền kinh tế để hoạt động kinh doanh của công ty tốt hơn. Tất cả những điều trên đã làm Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 trở thành công ty có tên tuổi trong ngành xây dựng.

3.1.1. Những ưu điểm đã đạt được

➤ Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của công ty gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm tổ chức của công ty trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Sự quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban và các đội trực thuộc đã phục vụ có hiệu quả cho lãnh đạo công ty trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, bao gồm từ khâu lập kế hoạch đến khâu tổ chức thực hiện. Các đội trong công ty tuy là tổ chức phụ thuộc song vẫn đảm bảo tính chủ động, sáng tạo trong quản lý sản xuất. Điều này được thể hiện ở việc các Đội được giám đốc công ty uỷ quyền về một số lĩnh vực quản lý

nhất định như: Tìm kiếm việc làm cho đội, tìm kiếm khai thác nguồn vật tư,... Bên cạnh bộ máy quản lý, công ty có bộ máy kế toán được tổ chức khoa học, hợp lý, phù hợp với công tác kế toán trong ngành xây dựng cơ bản. Công ty phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng người trong bộ máy kế toán một cách rõ ràng, cụ thể. Công tác kế toán giữa kế toán công ty và kế toán Đội cũng được tách biệt một cách hợp lý theo các phần hành kế toán, đảm bảo không có sự chồng chéo. Đội ngũ lao động kế toán có trình độ cao, nhiệt tình, trung thực góp phần đặc lực vào công tác kế toán và quản lý kinh tế của công ty

➤ **Tổ chức công tác kế toán**

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 là doanh nghiệp có quy mô lớn ở cấp Công ty, địa bàn hoạt động trải rộng khắp cả nước. Để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất, công ty đã vận dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán nửa tập trung, nửa phân tán (mô hình hạch toán báo sổ). Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức thành Ban tài chính và nhân viên kế toán tại các Đội. Hàng tháng, kế toán đội tập hợp toàn bộ chứng từ giao nộp về Ban tài chính Công ty, kế toán Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ gốc, và tiến hành ghi sổ kế toán.

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán được công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với đặc điểm của công ty, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý.

➤ **Hệ thống tài khoản kế toán**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

Công ty còn mở thêm các tài khoản chi tiết cấp 2, cấp 3 một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của mình. Việc sử dụng những tài khoản chi tiết đã giúp cho công việc kế toán đơn giản đi rất nhiều, giúp cho các kế toán dễ dàng trong việc hạch toán chính xác hơn, tránh được những nhầm lẫn không đáng có, dễ theo dõi các đối tượng rõ ràng hơn để từ đó đưa ra được những quyết định điều chỉnh cần thiết đối với các đối tượng đó. Trong quá trình thực hiện hạch toán thanh toán với người mua, người bán Công ty sử dụng những tài khoản được chi tiết theo từng đối tượng. Điều này giúp cho việc theo dõi, đối chiếu được dễ dàng hơn, dễ kiểm soát được các đối tượng cần thiết trong quá

trình nợ phải thu và nợ phải trả khách hàng.

➤ **Hệ thống chứng từ, báo cáo tài chính**

- Hệ thống chứng từ trong Công ty được sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính. Số loại chứng từ sử dụng phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty. Các yếu tố trong chứng từ đầy đủ, chính xác, đảm bảo đủ căn cứ pháp lý cho việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chế độ lập và luân chuyển chứng từ hợp lý, gọn nhẹ, tránh được những rườm rà nhưng vẫn đảm bảo được sự chặt chẽ trong quản lý. Tất cả các chứng từ đều được kiểm tra chặt chẽ trước khi ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lập thường xuyên được đối chiếu kiểm tra với các chứng từ gốc để đảm bảo tính chính xác về các số liệu trên báo cáo tài chính được lập sau đó. Các chứng từ sau khi được sử dụng đều được bảo quản, lưu trữ cẩn thận và thuận lợi cho việc tra cứu sau này.

- Về báo cáo tài chính: Ngoài các mẫu biểu báo cáo theo quy định của Bộ tài chính, Công ty còn làm các mẫu biểu của Phòng tài chính Quân khu 3 yêu cầu. Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, khoa học, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế của Công ty.

➤ **Hệ thống sổ sách**

Về tổ chức mở sổ kế toán hợp lý và khoa học trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc của chế độ kế toán hiện hành phù hợp với năng lực trình độ của đội ngũ kế toán và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty. Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ đã giúp giảm bớt được khối lượng công việc ghi chép số liệu, tập hợp chi phí sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lên báo cáo tài chính. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ rất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, hình thức này có ưu điểm đặc biệt là nó phù hợp với hệ thống tài khoản kế toán và được sử dụng dễ dàng khi được lập trên máy. Mẫu sổ của hình thức Chứng từ ghi sổ là mẫu sổ, dễ làm, dễ hiểu, dễ đối chiếu kiểm tra và đảm bảo tính thống nhất và chính xác.

➤ **Công tác thu hồi công nợ**

Để công tác thu hồi công nợ được tiến hành kịp thời, chính xác, kế toán công nợ đã được phân công tiến hành kiểm soát, lập hồ sơ, lưu hồ sơ, tổ chức thu

đòi công nợ một cách chặt chẽ và thường xuyên có sự quản lý và góp ý đúng mực của bộ phận quản lý. Ngoài việc chuẩn bị hồ sơ thanh toán tốt, các cán bộ kế toán công nợ luôn có sự linh hoạt trong tìm hiểu thông tin và tiếp cận khách hàng.

➤ **Về hạch toán kế toán thanh toán**

Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được hoàn thành đúng lúc, Công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi công nợ cho từng đối tượng người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho người quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của Công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và đưa ra các hoạch định chiến lược cho Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Công ty cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết và những mặt chưa hoàn thiện trong công tác kế toán của mình.

Thứ nhất, Công tác nghiệm thu thanh toán quyết toán chưa thực sự quyết liệt, sự phối hợp giữa Công ty và các đơn vị còn nhiều hạn chế, đặc biệt là công tác nghiệm thu khối lượng, các hồ sơ chứng chỉ chất lượng phục vụ cho công tác thanh toán đều làm chậm gây ảnh hưởng lớn đến công tác thu hồi vốn

Thứ hai, Về hình thức kế toán, tuy công ty đã sử dụng máy tính trong công tác kế toán nhưng chưa có một phần mềm hoàn thiện để quản lý công tác kế toán một cách khoa học hơn. Do đó, số lượng giấy tờ sổ sách của công ty hiện nay vẫn tương đối lớn gây ra tình trạng sổ sách công kênh, khó quản lý. Công ty nên đầu tư thiết kế một phần mềm kế toán hoàn thiện nếu có khả năng hoặc đầu tư mua phần mềm kế toán trên thị trường. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán được thiết kế rất hiệu quả đối với công tác kế toán. Công ty có thể xem xét điều kiện công tác kế toán riêng của mình và đầu tư một phần mềm phù hợp với đặc điểm công tác kế toán, từ đó góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

Thứ ba, Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán. Cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì sẽ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

Thứ tư, Về công tác trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty đã không tiến hành trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi. Trong khi thực tế có phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi tại đơn vị. Việc Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ không phản ánh đúng tình hình tài sản của đơn vị, làm ảnh hưởng đến tài chính của doanh nghiệp khi các khoản nợ phải thu khó đòi thực tế không đòi được trong tương lai.

Sau đây là bảng báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng đến ngày 30/09/2016 tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Địa chỉ: Số 238 đường Lê Duẩn, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU**Đến ngày 30 tháng 9 năm 2016***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên khách hàng	Dư nợ đến 30/9/2016	Nợ chưa đến hạn thanh toán	Nợ đến hạn thanh toán	Nợ quá hạn thanh toán	Nợ không đòi được
....						
6	Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	3.134.253.643	1.850.689.542	1.226.669.601	56.894.500	
7	Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	2.708.350.845	1.506.689.450	1.116.021.395	85.640.000	
8	Công trình Nhà máy sản xuất, gia công dày, dép xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	9.465.339.217	2.644.498.568	6.785.051.649	35.789.000	
9	Công trình Nhà ở công nhân/Công ty Xây dựng hầm lò 1.VINACOMIN	5.524.318.308	1.157.546.237	4.366.772.071		
....						
	Cộng	39.152.615.468	18.189.257.304	20.642.237.564	305.467.600	15.653.000

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

Trong cơ chế thị trường hiện nay, cạnh tranh là điều tất yếu đối với các thành phần kinh tế. Vì vậy vấn đề sống còn đặt ra cho các nhà quản trị là làm sao để doanh nghiệp có thể đứng vững và phát triển mạnh mẽ trong điều kiện đó. Để tồn tại và khẳng định vị trí thì doanh nghiệp phải làm ăn có hiệu quả, lợi nhuận cao. Tuy nhiên để đạt được điều đó không phải dễ dàng. Bên cạnh việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế thì việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng là một vấn đề cấp thiết với doanh nghiệp.

Để hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành, việc chấp nhận các quy định về mặt pháp luật không những tạo iều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn tạo điều kiện cho cơ quan pháp lý
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở thống nhất giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa kế toán ở trung tâm và kế toán ở các đội.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm loại hình kinh doanh của công ty nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị ngành.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm bớt khối lượng công việc nhưng vẫn phải đảm bảo tính khoa học, hợp lý.
- Hoàn thiện công tác cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, phục vụ những đơn vị hoặc cá nhân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới công ty.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về tình hình thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 và trên cơ sở yêu cầu nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,

người bán, em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

*** Kiến nghị 1: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của công ty**

Phần mềm kế toán là thống kê các chương trình máy tính dùng để tự động xử lý các thông tin trên máy tính, là công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán, tổng hợp cơ sở dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc, nó được thiết kế để xử lý, lưu trữ một lượng lớn thông tin chính xác, với độ bảo mật cao và có thể cung cấp thông tin bất cứ lúc nào chỉ với một thao tác nhỏ mà chi phí lại không quá lớn. Ngoài ra phần mềm kế toán còn được thiết kế phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp cụ thể. Với những ưu điểm trên thì công ty nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng.

Dưới đây là các phần mềm kế toán công ty nên đưa vào sử dụng.

- Phần mềm kế toán Fast Accounting:



Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, Fast có hệ thống báo cáo đa dạng, người

dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được dữ liệu.

- Phần mềm kế toán MISA:



Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng

từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Tính chính xác: Số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra lỗi. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao.

Nhược điểm:

Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm. Tốc độ xử lý chậm, đặc biệt khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển. Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

*** Kiến nghị 2: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Hiện nay Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

** Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:* Căn cứ để lập trích lập dự phòng lý thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

** Điều kiện để trích lập dự phòng:*

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền cần nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Các trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì được coi như nợ không có khả năng thu hồi.

** Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:*

- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 30%
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm: 50%
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm: 70%
- Từ 3 năm trở lên: 100%.

** Tài khoản sử dụng:* Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

- Kết cấu của tài khoản 2293: Dự phòng phải thu khó đòi

+ **Bên nợ:**

- Hoàn nhập giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi

+ **Bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh

+ **Số dư bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

** Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N+1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N+1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí:

Nợ TK 2293 – dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 – Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111,112,...

Có TK 711 – Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ. Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,... - Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có TK 131,138,...

- Ví dụ: Theo kết quả tính toán được số tiền Công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi ngày 30/9/2016 được thể hiện trong bảng sau:

Biểu số 3.2: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

Địa chỉ: Số 238 đường Lê Duẩn, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**Đến ngày 30 tháng 9 năm 2016***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền trích
....					
6	Gói thầu số 09. Xây dựng Tiểu đoàn 1: Nhà Chỉ huy, nhà ở Đại đội 1+2+3, nhà ăn.../Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh	56.894.500	5 tháng	30%	17.068.350
7	Gói thầu số 03. Xây dựng công trình nhà Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	85.640.000	1 năm 3 tháng	50%	42.820.000
8	Công trình Nhà máy sản xuất, gia công dây, dép xuất khẩu - Công ty TNHH Bai Hong	35.789.000	2 năm 2 tháng	70%	25.052.300
....					
	Cộng	305.467.600			145.503.200

*Ngày 30 tháng 9 năm 2016***Người lập**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

+) Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 30/9/2016 cho khoản nợ quá hạn là: 145.503.200 đồng

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642: 145.503.200 đồng

Có TK 2293: 145.503.200 đồng

+) Đối với khoản khách hàng còn nợ, được xác định là không đòi được xử lý như sau:

- Số nợ khó đòi không thể thu hồi tháng 9 năm 2016: 15.653.000 đồng.
Công ty tiến hành xóa sổ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 15.653.000 đồng

Có TK 131: 15.653.000 đồng

- Từ nghiệp vụ trên, kế toán lên bảng kê chứng từ ghi có TK 131, sau đó vào chứng từ ghi sổ, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

*** Kiến nghị 3: Về việc tăng cường nghiệm thu thanh quyết toán để thu công nợ**

Do đặc điểm hoạt động thi công các công trình, hạng mục công trình được chia ra thành nhiều giai đoạn thực hiện và tiến hành bàn giao cho khách hàng. Công tác nghiệm thu thanh toán quyết toán chưa thực sự quyết liệt, sự phối hợp giữa Công ty và các đơn vị còn nhiều hạn chế, đặc biệt là công tác nghiệm thu khối lượng, các hồ sơ chứng chỉ chất lượng phục vụ cho công tác thanh toán đều làm chậm gây ảnh hưởng lớn đến công tác thu hồi công nợ.

KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán với người mua, người bán rất quan trọng trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Là thước đo cho mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán cùng với việc tăng cường quản lý công nợ.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, em đã nhận ra tầm quan trọng của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán. Khóa luận đã đề cập đến vấn đề lý luận chung và đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty.

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7” có những vấn đề cơ bản:

- Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại các doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh về thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 với số liệu của năm 2016 minh chứng cho những lập luận đưa ra.

- Sau khi đánh giá công tác tổ chức công tác kế toán đặc biệt đánh giá công tác kế toán thanh toán, khóa luận đưa ra được kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với việc tăng cường và quản lý công nợ tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7.

- + Kiến nghị 1: Đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán của công ty.

- + Kiến nghị 2: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

- + Kiến nghị 3: Tăng cường nghiệm thu thanh quyết toán để thu công nợ

Do kinh nghiệm thực tế thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải - Xí nghiệp 7 và sự hướng dẫn tận tình của cô giáo ThS.Ninh Thị Thùy Trang để em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Phương Thảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1, Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2, Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính
3. Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC*
4. Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí Nghiệp 7 (2016), *Sổ sách kế toán Công ty*.